

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Ông Đỗ Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B (LPB)

Địa chỉ: Tòa nhà C, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Ngọc P. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Cao Minh T, sinh năm 1991 và ông Trần Trung N, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Đại lộ Đ, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2021.

Ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông T vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 1 L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Trung N là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày:

Vào ngày 10/10/2017, giữa ông Nguyễn Thanh P và Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh B có ký kết hợp đồng tín dụng số HD0910101704840. Hai bên thống nhất Ngân hàng cho ông P vay số tiền 30.000.000 đồng. Mục đích vay là mua sắm thiết bị gia đình, hình thức cho vay là tín chấp, thời hạn cho vay là 60 tháng, từ ngày 11/10/2017 đến ngày 10/10/2022. Lãi suất thỏa thuận là 12%/năm. Lãi suất cho vay này được tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Nếu tính 01 năm 365 ngày thì lãi suất là 12,1667%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ hạn trả nợ gốc là 500.000 đồng/tháng (kỳ) vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả gốc và lãi đầu tiên là ngày 20/11/2017 theo dư nợ thực tế. Kỳ hạn trả gốc lãi cuối cùng là ngày 10/10/2022. Ông P đã ký nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P đã thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ, đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, từ kỳ trả nợ ngày 20/6/2021 thì ông P không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với ông P. Ông P cam kết thanh toán tiền nợ gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng theo đúng như thỏa thuận nhưng ông P không thực hiện. Tạm tính đến ngày 22/10/2021, khoản vay đã quá hạn 123 ngày, ông P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 9.004.907 đồng. Trong đó tiền gốc là 8.500.000 đồng, lãi trong hạn là 410.012 đồng và lãi quá hạn là 94.895 đồng. Do ông P đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HD0910101704840 ngày 10/10/2017 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/10/2021 là 9.004.907 đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trong hạn và lãi quá hạn từ ngày 23/10/2021 theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông P trả hết nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông P đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo xác nhận của Công An xã T, huyện G thì ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và hiện có mặt tại địa phương. Địa chỉ liên lạc (nơi làm việc của ông P) theo Ngân hàng cung cấp là ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ông P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như ông P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HD0910101704840 ngày 10/10/2017 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 27/9/2017 có căn cứ xác định ông P có giao kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay 30.000.000 đồng của Ngân hàng. Mục đích vay là mua sắm thiết bị gia đình, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 12%/năm tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc là 500.000 đồng/tháng vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ hạn trả gốc và lãi đầu tiên là ngày 20/11/2017 theo dư nợ thực tế. Kỳ hạn trả gốc, lãi cuối cùng là ngày 10/10/2022. Sau khi giải ngân thì ông P đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ nhưng theo bản sao kê lịch trả nợ thì từ kỳ ngày 21/6/2021 thì ông P bắt đầu vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ quá hạn cho ông P nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng như hợp đồng đã ký kết. Mặc khác, tại biên bản làm việc ngày 31/8/2021, ông P có ý kiến sẽ trả tất toán khoản vay cho Ngân hàng vào ngày 11/9/2021 nhưng đến nay ông P không thực hiện. Ngoài ra, theo quy định tại điểm f Điều 7 của hợp đồng tín dụng thỏa thuận nếu bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay, phí theo thỏa thuận tại hợp đồng thì Ngân hàng được chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Như vậy, có căn cứ xác định ông P không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi vay đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn theo đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng ngày 10/10/2017. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông P có trách nhiệm trả nợ trước hạn cho Ngân hàng số

tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 22/10/2021 là 8.500.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông P trả tiền lãi tạm tính đến ngày 22/10/2021 với số tiền là 504.907 đồng (gồm tiền lãi trong hạn là 410.012 đồng và lãi quá hạn là 94.895 đồng). Xét thấy, ông P không thanh toán tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông P tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số HD0910101704840 ngày 10/10/2017 là có căn cứ được chấp nhận. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông P phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn cho Ngân hàng từ ngày 23/10/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở, không trái với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí theo quy định là $9.004.907 \text{ đồng} \times 5\% = 450.245 \text{ đồng}$ (làm tròn 450.000 đồng). Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Thanh P.

Buộc ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/10/2021 là 9.004.907đ (Chín triệu không trăm lẻ bốn nghìn chín trăm lẻ bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 410.012đ (Bốn trăm mười nghìn không trăm mười hai đồng) và tiền lãi quá hạn là 94.895đ (Chín mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Ông P còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 23/10/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD0910101704840 ngày 10/10/2017 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh P phải chịu là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002131 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang